

Bản án số: **19/2023/HNGĐ- ST**
Ngày: 15/6/2023
V/v: “*Ly hôn, nuôi con chung*”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thanh Nữ Kiều Oanh

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Tấn Khoa

2. Ông Bá Đình Tâm

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thụy Mỹ Tuyên - Kiểm sát viên.

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bá Văn Nhân - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình

Ngày 15 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 50/2023/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2023 về việc: *Ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và quyết định hoãn phiên tòa số 16/2023/QĐST-HNGĐ, ngày 31/5/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Phạm Tú N, sinh năm 1979

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Bị đơn: Ông Huỳnh Ngọc M, sinh năm 1980

Địa chỉ: Thôn S, xã T, huyện B, tỉnh Bình Thuận

Có mặt nguyên đơn; Bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện quá trình điều tra thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Phạm Tú N trình bày:

Về hôn nhân: Bà với ông Huỳnh Ngọc M xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau, bà và ông M ai cũng có một lần

đỗ vỡ rồi đến với nhau.

Hai bên gia đình không tổ chức cưới hỏi cho vợ chồng bà.

Vợ chồng có đến UBND xã T, huyện B để đăng ký kết hôn.

Cuộc sống chung vợ chồng sau khi xác lập quan hệ thì hạnh phúc. Đến đầu năm 2022 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã do bất đồng quan điểm sống, kinh tế khó khăn và ông M có quan hệ với người phụ nữ khác.

Bà đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng ông M không về mà sống với người phụ nữ đó, không quan tâm đến vợ con.

Vợ chồng không còn tình cảm, mục đích hôn nhân không đạt nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc M.

Về con chung: Vợ chồng 01 con chung là Huỳnh Thị Thảo M1 – sinh ngày 10/10/2016 hiện con đang ở với bà, sau khi ly hôn bà yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Huỳnh Ngọc M: Ông Huỳnh Ngọc M không đến Tòa án theo giấy triệu tập, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Người làm chứng:

Bà Phạm Thị Bích L (mẹ ông M) trình bày: M và N xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016 trên cơ sở tự nguyện cả M và N đã có một lần đổ vỡ.

Hai bên gia đình không tổ chức đám cưới cho vợ chồng M.

Vợ chồng M có đăng ký kết hôn tại UBND xã T.

Sau khi kết hôn vợ chồng M đi làm ăn xa lâu lâu có về thăm gia đình.

Cuộc sống vợ chồng M theo M kể có xảy ra nhiều mâu thuẫn do N cờ bạc, tiêu xài không lo cho gia đình, việc này diễn ra nhiều năm nay.

Việc N làm đơn ly hôn thì M có biết và có nói với tôi. Hiện M đi làm ăn xa không có mặt tại địa phương.

Việc N ly hôn với M thì tòa nên giải quyết cho N được ly hôn vì vợ chồng đã có mâu thuẫn hàn gắn cũng không hạnh phúc.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình phát biểu ý kiến như sau:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa:

Tại phiên tòa hôm nay, HĐXX đã thực hiện nguyên tắc xét xử độc lập và chỉ tuân pháp luật đúng theo quy định tại Điều 12 BLTTDS, thành phần HĐXX đúng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử, không có trường hợp phải từ chối hoặc phải thay đổi người tiến hành tố tụng. Về phần thủ tục bắt đầu phiên tòa cũng như phần thủ tục hỏi, phần tranh luận tại phiên tòa, HĐXX đã tuân theo đúng quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng theo quy định tại các Điều 237, Điều 239 Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của nguyên đơn: Nguyên đơn thực hiện đúng quy định Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của bị đơn: Không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, vi phạm quy định tại khoản 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét thấy, Bà N và ông M tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình Tân vào ngày 19/7/2016, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đến đầu năm 2022, bà N và ông M phát sinh mâu thuẫn, sau đó ông M đi làm ăn xa ít về nhà, vợ chồng không còn sống chung với nhau. Tình cảm vợ chồng rạn nứt, không thể nào hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được.

Đối với ông M đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông M vẫn vắng mặt không có lý do. Qua đó nhận thấy ông M không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Nhận thấy giữa bà N và ông M không còn sống chung với nhau, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể hàn gắn được, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu ly hôn của bà N có cơ sở để chấp nhận.

Về con chung: Bà N yêu cầu giao con Huỳnh Thị Thảo M1, sinh ngày 10/10/2016 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu ông M cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy: Hiện tại cháu Huỳnh Thị Thảo M1 đang sống cùng bà N, ông M không có mặt ở địa phương. Vì vậy, nên giao cháu M1 cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không xem xét.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 9, Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí của Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Tú N. Bà Phạm Tú N được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc M.

- Về con chung: Giao cháu Huỳnh Thị Thảo M1 – sinh ngày 10/10/2016 cho bà Phạm Tú N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Ông Huỳnh Ngọc M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Vì lợi ích mọi mặt của các con, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng và mức cấp dưỡng nuôi con khi cần thiết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa cũng như căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Phạm Tú N và ông Huỳnh Ngọc M có hộ khẩu thường trú: thôn Bình Sơn, xã Bình Tân, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận nên yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà N thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Tú N, HĐXX nhận thấy: Quan hệ hôn nhân giữa bà Phạm Tú N với ông Huỳnh Ngọc M được xác lập trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 19/7/2016 nên là hôn nhân hợp pháp, bà N có đơn ly hôn nên áp dụng Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để giải quyết.

Bà N và ông M xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2016 cuộc sống vợ chồng sống chỉ hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân kinh tế khó khăn và ông M có quan hệ với người phụ nữ khác, bà N đã khuyên ngăn nhưng ông M không chịu từ bỏ.

Tòa án tiến hành triệu tập, tổ chức hòa giải tuy nhiên ông M biết việc bà N ly hôn nhưng không đến Tòa án để làm việc, hòa giải chứng tỏ ông M cũng không còn muốn níu kéo, hàn gắn tình cảm, hôn nhân với bà N.

Theo quy định của pháp luật HNGĐ năm 2014, vợ chồng có nghĩa vụ quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình; Vợ chồng có nghĩa vụ tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên cuộc sống hôn nhân thực tế giữa bà N và ông M đã xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, vợ chồng đã sống ly thân không còn quan tâm đến nhau dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Như vậy mâu thuẫn hôn nhân giữa bà N và ông M đã thực sự trầm trọng nên có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 là Huỳnh Thị Thảo M1 – sinh ngày 10/10/2016. Bà N là người trực tiếp nuôi dưỡng con chung khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn và bà N đủ điều kiện để nuôi con, nên Hội đồng xét xử giao cho bà N tiếp tục nuôi dưỡng con chung đến khi trưởng thành.

Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng: Bà N không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo luật định của pháp luật.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đối với vụ án phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 273 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

Về hôn nhân: Bà Phạm Tú N được ly hôn với ông Huỳnh Ngọc M.

Về con chung: Giao con chung Huỳnh Thị Thảo M1 – sinh ngày 10/10/2016 cho bà Phạm Tú N chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà Phạm Tú N phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm, bà N đã nộp tại biên lai thu số 0002770, ngày 20/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, bà Phạm Tú N đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND (Tỉnh, Huyện);
- TAND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã Bình Tân;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Thanh Nữ Kiều Oanh

